

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2008



**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin  
trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008 (gọi tắt là Kế hoạch) nhằm thực hiện Nghị định số 64/2007/NĐ-CP với những nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU**

1. Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan nhà nước

a) Đối với Chính phủ:

Bảo đảm một số cuộc họp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tổ chức dưới hình thức họp trên môi trường mạng.

b) Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Các cuộc họp của lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với các đơn vị trực thuộc từng bước được thực hiện trên môi trường mạng.

- Đến hết năm 2008, 40% văn bản trao đổi giữa lãnh đạo Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm: báo cáo, thư mời, lịch công tác) được thực hiện qua đường thư điện tử.

- Tất cả các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm cung cấp hộp thư điện tử cho cán bộ, công chức (có tên miền là .gov.vn). Đến hết năm 2008, tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử cho công việc ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các thành phố trực thuộc Trung ương là 50%, ở các tỉnh là 30%, trong đó đối với các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa (tới cấp huyện) là 10%.

- Tỷ lệ triển khai công tác quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng tại Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ là 70%, tại Văn phòng Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 50% và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện là 20%.

## 2. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Bảo đảm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cổng thông tin điện tử với đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin, cung cấp các biểu mẫu điện tử về dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp (ít nhất một biểu mẫu điện tử).

b) Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương: bảo đảm cổng thông tin điện tử cho phép người dân và doanh nghiệp khai báo, gửi đăng ký biểu mẫu điện tử qua mạng.

## II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch, bảo đảm đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương, bao gồm các công việc sau:

a) Hợp lý hóa, cải tiến và minh bạch các quy trình công việc, thủ tục hành chính trong các cơ quan nhà nước và các quy trình liên cơ quan để có thể ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, bảo đảm việc hợp lý hóa quy trình công việc được thực hiện trước khi đầu tư cho các hệ thống công nghệ thông tin.

b) Kế thừa các kết quả đã đạt được, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành và quản lý của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- Hệ thống thư điện tử.

- Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành.

c) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cổng thông tin điện tử (hoặc trang thông tin điện tử) của tất cả các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công trực tuyến, phục vụ người dân và doanh nghiệp, bao gồm:

- Cung cấp thông tin của cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên môi trường mạng.

- Cung cấp các biểu mẫu điện tử thay cho việc sử dụng biểu mẫu giấy cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức trong giao dịch với cơ quan nhà nước. Nội dung này cần kết hợp chặt chẽ với các nhiệm vụ thuộc Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010.

- Hình thành kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

d) Xây dựng, phát triển, bổ sung, nâng cấp mạng nội bộ và các điều kiện hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, địa phương mình.

đ) Triển khai hoặc chuẩn bị đầu tư một số đề án, dự án đặc thù cấp ngành, thống nhất từ các Bộ, cơ quan ngang Bộ đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và một số đề án, dự án dùng chung cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo các nội dung trong Phụ lục I.

e) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương về mặt kỹ thuật, tiến độ và cách thức phối hợp, triển khai các dự án đặc thù để thực hiện thành công các dự án đặc thù do Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý.

g) Tập huấn cho tất cả cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử, khai thác Internet, sử dụng các phần mềm ứng dụng đang triển khai trong cơ quan.

h) Tổ chức tuyên truyền trong các cơ quan, nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

i) Trước ngày 30 tháng 6 năm 2008, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2009 - 2010 để gửi cho Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, thẩm định, phê duyệt.

## 2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Đề xuất kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin (hoàn thành trong quý I năm 2008).

b) Thành lập Ban điều hành chịu trách nhiệm triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước do lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông làm Trưởng Ban, có các thành viên là đại diện cấp Vụ của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ (hoàn thành trong quý I năm 2008).

c) Xây dựng các quy định, cơ chế quản lý đầu tư dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước (hoàn thành trong quý I năm 2008).

d) Xây dựng danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin cần áp dụng trong các cơ quan nhà nước (hoàn thành trong quý I năm 2008).

đ) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về nội dung của các dự án dùng chung cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương.

e) Tổ chức tổng kết kinh nghiệm, chuyển giao giải pháp công nghệ và phương thức tổ chức của các dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

g) Hỗ trợ chuyên gia cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương trong việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương năm 2008.

h) Chủ trì công tác thu thập báo cáo và đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và tổng kết thường kỳ tiến độ thực hiện Kế hoạch. Đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ có hình thức xử lý phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ quy định trong Kế hoạch. Căn cứ vào các đánh giá trong quá trình triển khai Kế hoạch, nếu phát hiện có vấn đề bất cập lớn làm ảnh hưởng tới việc hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất việc điều chỉnh và bổ sung về mục tiêu và nhiệm vụ của Kế hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

i) Chỉ đạo triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình tại một số Bộ và một số tỉnh, thành phố có đặc trưng vùng miền khác nhau.

k) Chỉ đạo triển khai, hoàn thành giai đoạn I (kết nối tới tất cả các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố) và giai đoạn II (kết nối tới các Sở, Ban, ngành, quận, huyện) dự án Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trước ngày 30 tháng 9 năm 2008 (theo tinh thần chỉ

đạo của Chính phủ tại công văn số 228/CP-CN ngày 19 tháng 02 năm 2004) để bảo đảm tốc độ truyền số liệu trong mạng nhanh, chất lượng truyền ổn định, bảo mật, an toàn.

l) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn ngành nghề, chức danh về công nghệ thông tin, chức danh cán bộ quản lý công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (hoàn thành trong quý IV năm 2008).

m) Lựa chọn phần mềm hiệu quả nhất trong công tác quản lý văn bản và điều hành tại các Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện trên toàn quốc và nâng cấp để trở thành phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung cho các Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện.

n) Tổ chức đánh giá trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử này.

o) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009 - 2010 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

p) Chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009 - 2010 trên phạm vi toàn quốc (hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 năm 2008).

q) Theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin (theo Phụ lục IV), được các Bộ, ngành đang triển khai thực hiện mà không nằm trong phạm vi tổ chức thực hiện của Kế hoạch này.

### 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Cân đối và bố trí nguồn ngân sách cho Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008.

b) Chủ trì tổ chức vận động các chương trình viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

### 4. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Bảo đảm kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương cho Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

#### 5. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, chức danh Giám đốc công nghệ thông tin và hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương thực hiện thống nhất (hoàn thành trong quý IV năm 2008).

b) Xây dựng và phát triển đội ngũ Giám đốc công nghệ thông tin, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

c) Xây dựng, ban hành quy định về lưu trữ thông tin số của các cơ quan nhà nước.

#### 6. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan thống nhất các biểu mẫu điện tử chung cho giao dịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và giao dịch giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc cải tiến, chuẩn hóa và áp dụng các quy trình công việc chung, bảo đảm đồng bộ quy trình công việc giữa các cơ quan nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng hệ thống giao ban điện tử, đa phương tiện phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương.

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương trong việc thiết lập cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính để công bố công khai trên Internet.

đ) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính.

e) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, khai thác, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, mẫu đơn, mẫu tờ khai.

#### 7. Đối với các Bộ, tỉnh, thành phố triển khai mô hình điểm

a) Triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình tại một số Bộ (Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp) và một số tỉnh, thành phố có đặc trưng vùng miền khác nhau (Lào Cai, Đắk Lắk, Nghệ An, Quảng Ninh, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh), từ đó xây dựng, rút kinh nghiệm, hoàn thiện các sản phẩm công nghệ thông tin để áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên toàn quốc.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân các tỉnh Lào Cai, Đắk Lắk, Nghệ An, Quảng Ninh và các thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xác định mục tiêu, nội dung, quy mô triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi mình quản lý cho giai đoạn 2009 - 2010.

c) Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, có trách nhiệm triển khai nhanh trong năm 2008 các hệ thống thông tin số sau đây:

- Cổng thông tin điện tử (hoặc trang thông tin điện tử).
- Hệ thống thư điện tử.
- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành ở Văn phòng Bộ.
- Hệ thống giao ban điện tử giữa Bộ với các đơn vị trực thuộc.
- Các dự án đặc thù cấp ngành.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lào Cai, Đắk Lắk, Nghệ An, Quảng Ninh và các thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm triển khai nhanh trong năm 2008 các hệ thống thông tin số sau đây:

- Cổng thông tin điện tử (hoặc trang thông tin điện tử).
- Hệ thống thư điện tử.
- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành ở Văn phòng Ủy ban nhân dân.
- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành ở một quận, huyện điển hình.
- Hệ thống giao ban điện tử giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các quận, huyện.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

#### **1. Nguồn kinh phí ngân sách trung ương thực hiện Kế hoạch:**

Ngân sách trung ương thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước được trích từ nguồn ngân sách nhà nước dự phòng năm 2008.

#### **2. Nguyên tắc tài chính và quản lý đầu tư:**

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ được cấp kinh phí từ ngân sách trung ương để hợp lý hóa, cải tiến và minh bạch các quy trình công việc, thủ tục hành chính trong các cơ quan nhà nước, các quy trình liên cơ quan để có thể ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả; triển khai hoặc chuẩn bị đầu tư các dự án đặc thù cấp ngành, các dự án dùng chung; phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ, cơ quan ngang Bộ, công tác đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức và chi khác.

b) Các Bộ triển khai mô hình điểm được ưu tiên bố trí kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông. Các tỉnh, thành phố triển khai mô hình điểm được ưu tiên hỗ trợ ngân sách trung ương cho ứng dụng công nghệ thông tin theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Các địa phương có khó khăn về ngân sách (theo Phụ lục III) được hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

d) Kinh phí phục vụ cho hoạt động của Ban Điều hành (theo dõi, giám sát, thẩm định, báo cáo, hỗ trợ chuyên gia, học tập kinh nghiệm quốc tế, xây dựng cơ chế, chính sách...) do ngân sách trung ương bảo đảm.

đ) Cơ chế cấp phát kinh phí sẽ do Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp xây dựng.

#### **IV. CÁC GIẢI PHÁP**

##### **1. Kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính:**

Ban Chỉ đạo quốc gia về Công nghệ thông tin phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, thực sự thúc đẩy cải cách hành chính và ngược lại, cải cách hành chính góp phần làm tăng hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin.

##### **2. Giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch**

a) Các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ, dự án của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ 3 tháng và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Căn cứ báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp xây dựng báo cáo định kỳ 3 tháng gửi Thủ tướng Chính phủ.

c) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương, các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện "Kế



hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008”.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao chủ trì các nhiệm vụ trong Mục II Điều 1 và chủ trì các dự án dùng chung, dự án đặc thù cấp ngành trong Phụ lục I có trách nhiệm xây dựng, triển khai các dự án cụ thể trong năm 2008.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- BCĐ Chương trình Cải cách hành chính;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, CN (5b).Tr 310

**KT.THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Thiện Nhân**



**Phụ lục I**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
LẤY NGUỒN KINH PHÍ DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg  
ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

**NHÓM A. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tổng nhu cầu kinh phí (từ ngân sách trung ương) (triệu đồng)	Nhu cầu kinh phí năm 2008 (từ ngân sách trung ương) (triệu đồng)	Ghi chú
	<b>Nhóm dự án dùng chung</b>				<b>93.500</b>	
1	Công thông tin điện tử của các Bộ, tỉnh điểm	2008	Các Bộ, tỉnh điểm	30.000	30.000	10 Bộ, tỉnh *
2	Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành	2008	Các Bộ, tỉnh điểm	10.000	10.000	10 Bộ, tỉnh
3	Hệ thống thư điện tử	2008	Các Bộ, tỉnh điểm	5.000	5.000	10 Bộ, tỉnh
4	Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện giữa các Bộ với các đơn vị trực thuộc, giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với các quận, huyện	2008	Các Bộ, tỉnh điểm	30.000	30.000	10 Bộ, tỉnh
5	Công thông tin điện tử Chính phủ	2008	Văn phòng Chính phủ	3.000	3.000	
6	Trung tâm kỹ thuật an toàn mạng quốc gia	2008 - 2010	Bộ Thông tin và Truyền thông		500	Chuẩn bị đầu tư
7	Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện giữa Thủ tướng với các Bộ, địa phương	2008	Văn phòng Chính phủ	15.000	15.000	

	<b>Nhóm dự án đặc thù cấp ngành</b>				<b>33.5</b>	
8	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	2008 - 2010	Bộ Công an		1.000	Chuẩn bị đầu tư
9	Hệ thống thông tin giao thông vận tải	2008 - 2010	Bộ Giao thông vận tải	30.000	10.000	
10	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục, cơ sở dữ liệu về giáo dục phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ngành Giáo dục	2008 - 2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo		500	Chuẩn bị đầu tư
11	Hệ thống quản lý thông tin đầu tư nước ngoài	2008 - 2011	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	15.000	4.000	
12	Triển khai mở rộng hệ thống khai hải quan từ xa	2008 - 2009	Bộ Tài chính		2.000	
13	Xây dựng hệ thống trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan	2008	Bộ Tài chính	4.000	4.000	
14	Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính	2008	Bộ Tài chính		1.000	Chuẩn bị đầu tư
15	Hệ thống thông tin quản lý y tế dự phòng	2008 - 2010	Bộ Y tế	10.000	3.000	
16	Hệ thống thông tin quản lý khiếu nại, tố cáo	2008 - 2009	Thanh tra Chính phủ		2.000	
17	Thiết kế và liên kết hệ thống chỉ tiêu tổng hợp cập nhật từ Bộ, ngành và 64 tỉnh, thành phố vào Trung tâm Tích hợp dữ liệu của Văn phòng Chính phủ	2008	Văn phòng Chính phủ	1.300	1.300	
18	Cơ sở dữ liệu quốc gia quản lý các dự án ứng dụng công nghệ thông tin	2008 - 2009	Bộ Thông tin và Truyền thông	4.000	2.000	

19	Xây dựng Trung tâm chứng thực số phục vụ công tác quản lý nhà nước về giao dịch điện tử	2008	Bộ Thông tin và Truyền thông	2.700	2.700	
			<b>Tổng cộng</b>		<b>127.000</b>	

### NHÓM B. NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

STT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tổng nhu cầu kinh phí (từ ngân sách trung ương) (triệu đồng)	Nhu cầu kinh phí năm 2008 (từ ngân sách trung ương) (triệu đồng)	Ghi chú
	<b>Các nhiệm vụ thường xuyên</b>					
1	Đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức	2008	Các Bộ, tỉnh điểm		5.000	
2	Kinh phí thuê đường truyền và hosting	2008	Các Bộ, tỉnh điểm		5.000	
			Bộ Thông tin và Truyền thông		5.000	
3	Kinh phí giám sát, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện kế hoạch	2008	Ban Điều hành		2.000	
4	Hỗ trợ các Bộ, cơ quan ngang Bộ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin	2008	18 Bộ (trừ các Bộ điểm)		19.800	(mỗi Bộ hỗ trợ 1.100 triệu)
5	Hỗ trợ các địa phương có khó khăn về ngân sách	2008	49 tỉnh chưa cân đối được ngân sách thu - chi **		53.900	(mỗi tỉnh hỗ trợ 1.100 triệu)
6	Dự phòng	2008			3.000	
			<b>Tổng cộng</b>		<b>93.700</b>	

\* Danh sách 10 Bộ, tỉnh điểm ghi trong Phụ lục II.

\*\* Danh sách 49 tỉnh chưa cân đối được ngân sách thu – chi ghi trong Phụ lục III.



**Phụ lục II**

**DANH SÁCH CÁC BỘ, TỈNH, THÀNH PHỐ  
TRIỂN KHAI MÔ HÌNH ĐIỂM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg  
ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Tên Bộ, tỉnh</b>
1	Bộ Thông tin và Truyền thông
2	Bộ Tài chính
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	Bộ Tư pháp
5	Lào Cai
6	Đắk Lắk
7	Nghệ An
8	Quảng Ninh
9	Đà Nẵng
10	Thành phố Hồ Chí Minh



**Phụ lục III**  
**DANH SÁCH CÁC TỈNH**  
**ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg  
ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên tỉnh
1	Hà Giang
2	Tuyên Quang
3	Cao Bằng
4	Lạng Sơn
5	Yên Bái
6	Thái Nguyên
7	Bắc Kạn
8	Phú Thọ
9	Bắc Giang
10	Hòa Bình
11	Sơn La
12	Điện Biên
13	Lai Châu
14	Hưng Yên
15	Bắc Ninh
16	Hà Tây
17	Hà Nam
18	Nam Định
19	Ninh Bình
20	Thái Bình
21	Thanh Hóa
22	Hà Tĩnh
23	Quảng Bình

24	Quảng Trị
25	Thừa Thiên Huế
26	Quảng Nam
27	Quảng Ngãi
28	Bình Định
29	Phú Yên
30	Ninh Thuận
31	Bình Thuận
32	Đắk Nông
33	Gia Lai
34	Kon Tum
35	Lâm Đồng
36	Tây Ninh
37	Bình Phước
38	Long An
39	Tiền Giang
40	Vĩnh Long
41	Hậu Giang
42	Bến Tre
43	Trà Vinh
44	Sóc Trăng
45	An Giang
46	Đồng Tháp
47	Kiên Giang
48	Bạc Liêu
49	Cà Mau



**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
**TRƯỚC BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THEO DÕI, TỔNG HỢP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg  
ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì
1	Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức	Bộ Nội vụ
2	Cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý thuế	Bộ Tài chính
4	Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS)	Bộ Tài chính
5	Phát triển CNTT và truyền thông tại Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông
6	Hiện đại hoá ngân hàng (giai đoạn II)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
7	Hiện đại hóa quản lý thuế	Bộ Tài chính
8	Hiện đại hoá hải quan	Tổng Cục Hải quan
9	Xây dựng hệ thống phần mềm dùng chung trong hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường.